

Bản tin

Thị trường

Lúa gạo Việt Nam

(Tuần 28/10-1/11/2019)

Phát hành trước 15h chiều thứ 6 hàng tuần

Công ty CP Phân tích và Dự báo Thị trường Việt Nam – AGROMONITOR

Văn phòng: P.1604, tòa nhà số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Tel: +84 4 35627684

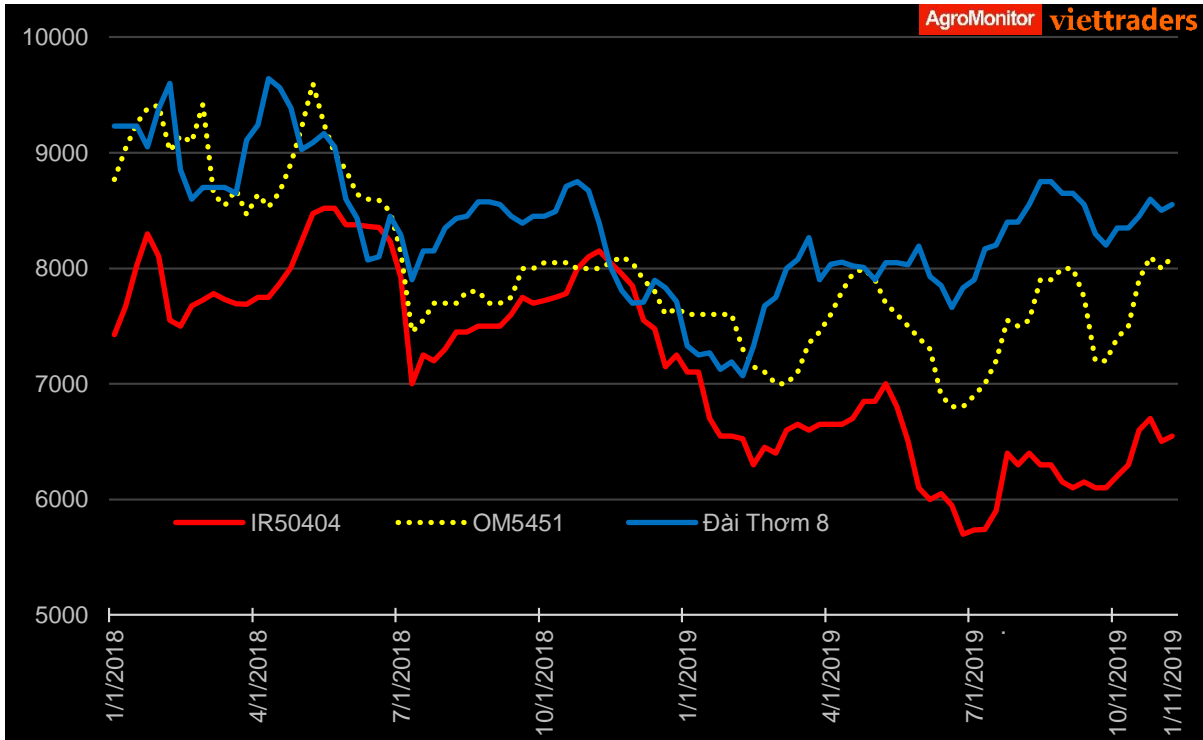
Fax: +84 4 35627705

Hotline: 0943 411 411

Website: www.agromonitor.vn

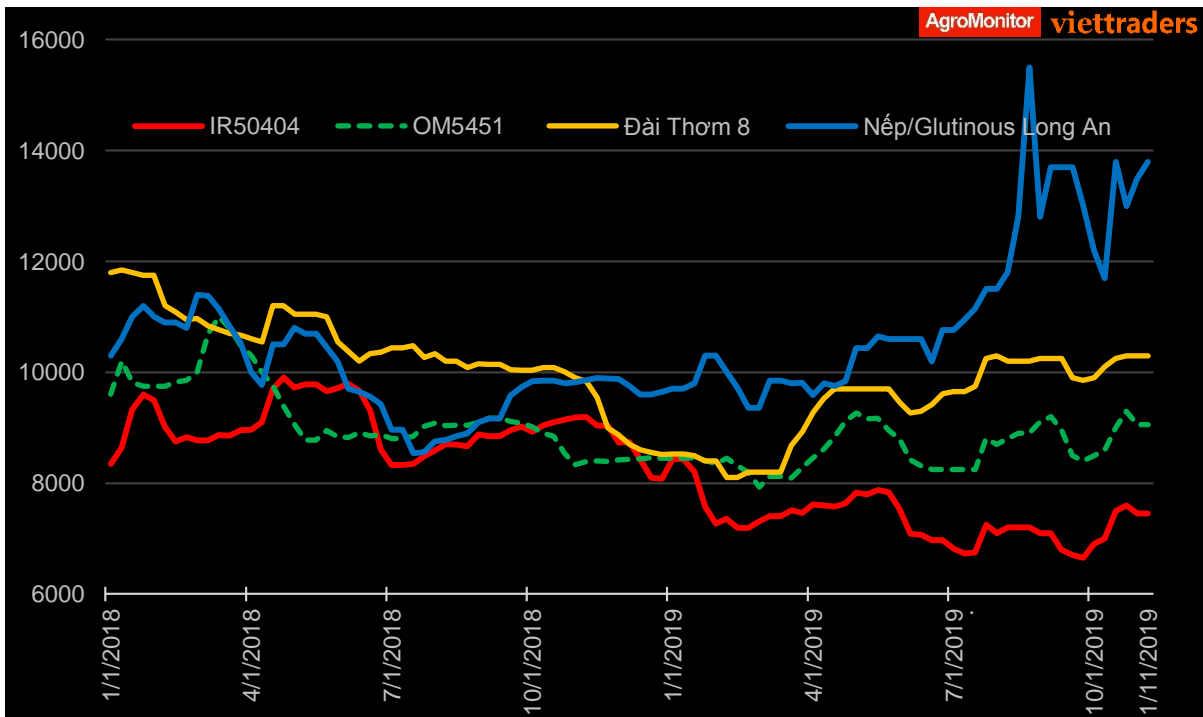
Email: agromonitor.hn@gmail.com

Giá gạo nguyên liệu theo tuần, 2018-2019, cập nhật đến tuần 28/10-1/11, đồng/kg



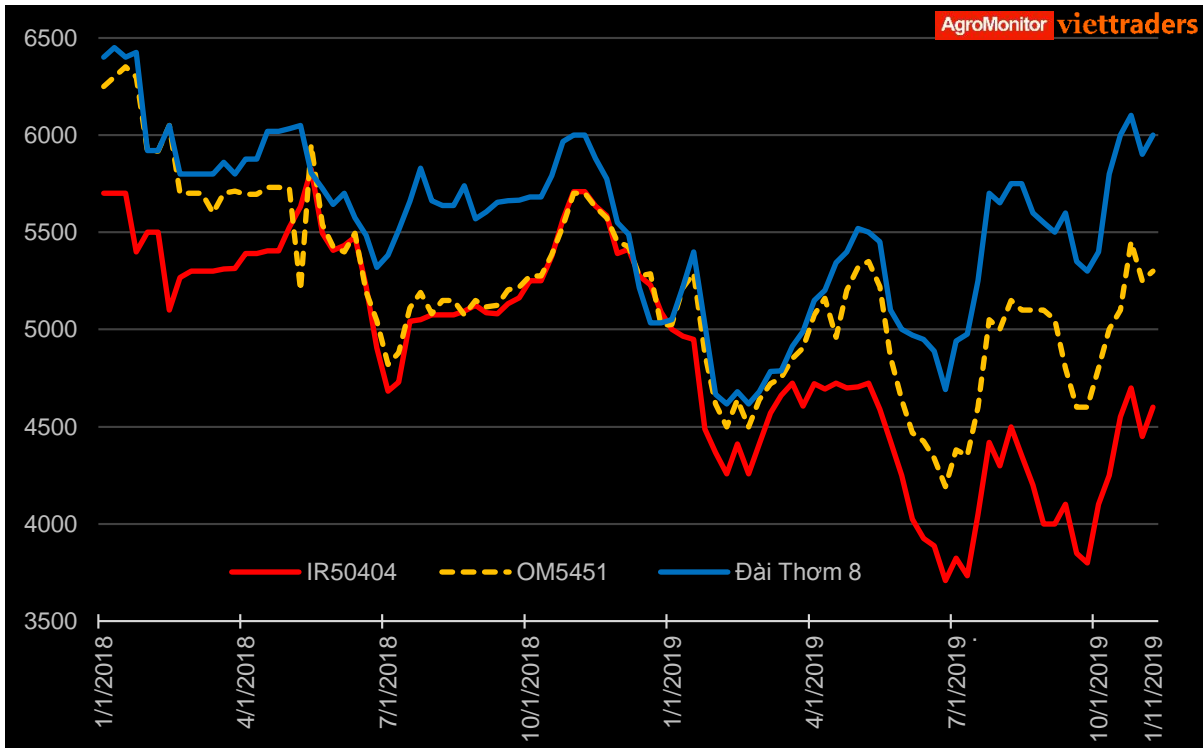
Ghi chú: Giá NLIR50404, OM5451 và Đai Thơm tời kho

Giá gạo thành phẩm theo tuần, 2018-2019, cập nhật đến tuần 28/10-1/11, đồng/kg



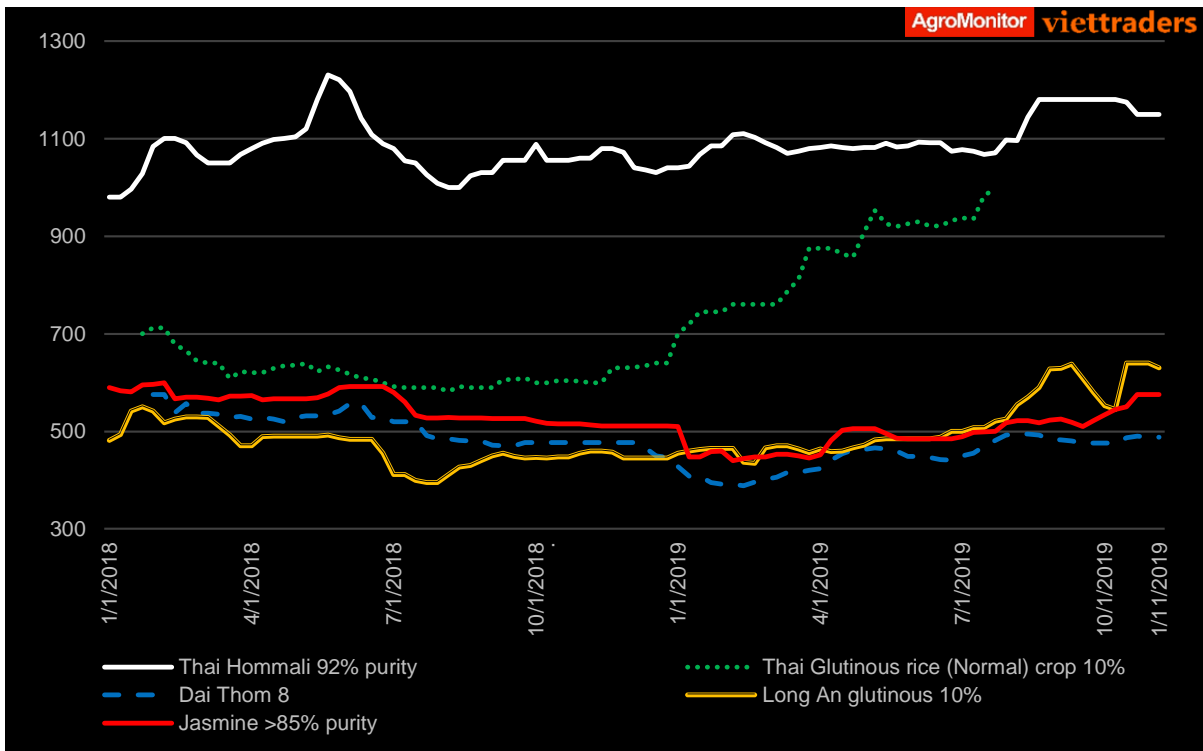
Ghi chú: Giá TP IR50404, OM5451, Đai Thơm và nếp Long An tại kho

Giá lúa tươi theo tuần, 2018-2019, cập nhật đến tuần 28/10-1/11, đồng/kg



Ghi chú: Giá Lúa IR50404, OM5451 và Đai Thơm tại ruộng

Giá xuất khẩu Hommali và Nếp của Thái Lan so sánh với giá xuất khẩu Đai Thơm 8, Jasmine và nếp Long An của Việt Nam, cập nhật đến tuần 28/10-1/11



CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG TUẦN 28/10-1/11/2019

Tin tức quốc tế: Philippines áp dụng cấp phép nghiêm ngặt về vệ sinh dịch tễ với gạo nhập khẩu

Giao dịch với khách quốc tế:

+ Trung Quốc: Khách thương nhân gia hạn quota sang tháng 1 – tháng 2/2020. Khách hỏi mua gạo TP OM5451, TP KDM, Nếp nhưng chưa chốt giao dịch, chờ đợi nguồn cung thu hoạch mới

+ Thị trường nội địa nguồn ít, giao dịch cầm chừng, một số kho ngưng mua. Kho thiếu hàng mới mua vào

Lịch tàu cảng Sài Gòn: Tuần này không có thêm tàu mới vào ăn hàng, dự kiến 10/11 tới có liên tiếp 3 tàu vào cảng, trong đó 1 tàu lấy 22K gạo NL Japonica của Kigimex và 2 tàu mỗi tàu lấy 22K OM5451 của Quốc Tế Gia và Thuận Minh, tất cả đi Hàn Quốc (theo diện các gói thầu hồi tháng 9-10 vừa qua. Tàu 42K của Louis hoãn không vào cảng như dự kiến. Tàu Captain John của các trader quốc tế vẫn đang ăn hàng tại cảng và dự kiến lấy 29,5K gạo (không phải 21K như trước đây ước tính).

Lịch tàu Mỹ Thái: Tuần này chỉ có 2 tàu vào cảng lấy hàng gồm 1 tàu 4,1 ngàn tấn vào lấy gạo 15% tấm của Vilexim+Sài Gòn Thiên Kim đi Malaysia và 1 tàu vào lấy 3 ngàn tấn gạo đi Bắc. Tiến độ tàu vào ăn hàng trong tháng 10 khá ít so với các tháng trước.

Giao dịch với Campuchia: Xuất hiện dòng lúa KDM (Lài 6 tháng) từ Campuchia về Việt Nam lai rai. Lượng có ít, mới đầu vụ, chưa có nhiều.

Gạo đi Bắc: Lượng gạo từ Miền Tây ra Bắc ổn định, khách chủ yếu hỏi một số chủng loại gạo NL/TP OM5451, ST21, tấm/phế/gạo rựu

Thu hoạch vụ Thu Đông 2019:

+ Nguồn cung lúa tươi sắp tới: IR50404 bắt đầu từ tuần sau, OM5451 và Đài Thơm 8 khoảng 2 tuần nữa dự kiến sẽ được bổ sung nguồn mới từ An Giang.

+ Diễn biến giá và giao dịch: Giá lúa các chủng loại TĂNG NHẸ, nguồn về ít, giao dịch rất ít do giá lúa được đánh giá ở mức cao, thương lái xay ra gạo bán không có lời, ngưng mua chờ quan sát thị trường.

BÌNH LUẬN THỊ TRƯỜNG

Philippines sẽ áp dụng cấp phép nghiêm ngặt về vệ sinh dịch tễ với gạo nhập khẩu:

Các tin báo chí của Philippines cho biết về các biện pháp siết chặt quy chuẩn vệ sinh dịch tễ trong nhập khẩu gạo, đặc biệt trong vụ thu hoạch tháng 10 và 11. Bộ Nông nghiệp (DA) Philippines cho biết sẽ áp đặt các quy định nghiêm ngặt hơn đối với việc ban hành các thông quan nhập khẩu vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPSICs), nhằm quản lý dòng gạo nhập khẩu trong mùa thu hoạch, khi nông dân dễ bị tác động bởi biến động giá khi

nguồn nhập khẩu chảy thêm vào thị trường. Bộ trưởng Nông nghiệp William D. Dar nói trong một cuộc họp báo hôm thứ ba “chúng tôi đang ban hành một bộ hướng dẫn chặt chẽ hơn...” Các hướng dẫn sẽ được phát hành vào tuần tới. Đó là chiến lược của chúng ta, (khi) chúng ta đã bước vào vụ thu hoạch chính (vào tháng 10 và tháng 11) và chúng ta đã thực hiện chặt chẽ các hướng dẫn trước khi bất kỳ SPSIC nào được ban hành.

<https://www.bworldonline.com/agriculture-dept-views-permits-as-means-for-easing-rice-imports-during-harvest/>

Thông tin về Trung Quốc cũng không có nhiều triển vọng. Vài nguồn thông tin cho biết lượng quota dành cho doanh nghiệp tư nhân nhập khẩu của Trung Quốc còn ít. Một số thương nhân Trung Quốc đang gia hạn thời gian cho quota những tháng cuối năm 2019 sang đến tháng 1 - tháng 2/2020 nhằm đợi chờ nguồn cung thu hoạch nếp vụ 3, thêm nguồn cung, giá giảm. Từ hôm qua đến nay, khách thương nhân Trung Quốc hỏi mua lượng ít gạo TP OM5451 Thu Đông, Nếp Long An - Nếp An Giang 10% tấm và gạo TP KDM vụ mới. Các nhà kho xuất khẩu đang chào giá cao lần lượt OM5451 445\$, Nếp Long An 650\$, KDM 750\$ FOB cont, nên khách chưa phản hồi lại, đang thương lượng giá.

Thị trường nội địa nguồn ít, giao dịch cầm chừng. Lượng gạo về rất ít, các bến vắng gạo, kho khó mua được hàng, mất vài ngày mới gom được hàng. Một số nhà kho lớn cho biết tạm thời ngưng mua, chờ đợi nguồn cung mới và giá giảm nữa thì mới mua gạo nguyên liệu vào kho. Một số kho thiếu hàng thì mua gạo trắng tại các khu vực khác để làm hàng. Thị trường giao dịch trầm lắng

Xuất hiện dòng lúa KDM (Lài 6 tháng) từ Campuchia về Việt Nam lai rai. Lượng có ít, mới đầu vụ, chưa có nhiều. Nhu cầu hỏi mua của các thương lái và nhà kho xuất khẩu nhiều, nhà kho gạo chợ nhiều

Lúa KDM (Lài 6 tháng) trồng ở khu vực Putampon - Campuchia đang về lai rai tại bãi Dinh Bà. Lúa có chất lượng trung bình, thu hồi khoảng 65%, được nhiều thương lái và nhà kho thu mua. Giá lúa dao động ở mức 6,700-6,800 đ/kg. *Hình ảnh Agromonitor nhận được vào 6h50 sáng ngày 29/10/2019*





Giá gạo xuất khẩu tham chiếu Việt Nam (tính từ giá cập nhật), tuần 28/10-1/11, (USD/tấn)

Chủng loại	Giá USD/tấn	(+/-)	Ghi chú	Tháng 10		Tháng 9	
				Min	Max	Min	Max
1. Gạo trắng hạt dài							
Gạo 5% đi Philippines chưa sortex (hàng tàu)	346	0	Nguồn cung ít, giao dịch trầm lắng	325	353	315	320
Gạo 5% đi Châu Phi đã sortex (hàng tàu)	360-365	-5	Khách Châu Phi hỏi thăm giá, chê giá cao, chưa chốt hợp đồng	360	365		
Gạo 15% (tàu)	342	0	Giao dịch chậm	320	345	305	315
Gạo 25% (tàu)	338	0	Giao dịch chậm	315	338	303	310
Gạo 100% (tàu)	318	0	Giao dịch chậm	300	318	300	300
2. Gạo trắng hạt dài đặc biệt							
OM 5451 5% tấm (tàu)	438-443	0	Khách Philippines - Trung Quốc hỏi thăm, chê giá cao, chưa chốt giao dịch	418	443	403	423
OM 5451 5% tấm (cont)	445-450	0	Nguồn cung ít, chào giá cao, khách hỏi mua ít	425	450	410	430
3. Gạo nếp							
Nếp Long An (cont)	630	-10	Giá cao, nguồn cạn, khách Trung Quốc quay trở lại hỏi nhưng chưa chốt giao dịch	545	640	625	640
Nếp An Giang (cont)	665	-25	Nguồn cạn, giá cao, khách Trung Quốc hỏi nhưng chưa mua	530	690	635	640
Tấm Nếp Long An (cont)	620		Khách Trung Quốc hỏi mua	620	620	600	620
4. Gạo thơm hạt dài							
Đài Thơm 8 thuần 80% (tàu)	478-483	0	Giao dịch lai rai, trả giá thấp	467	483	468	475
Đài Thơm 8 thuần 80% (cont)	485-490	0	Giao dịch lai rai, nguồn ít	475	490	475	483
Jasmine thuần 90% (cont)	575	0	Giao dịch nhiều, nguồn cung cạn	550	575	515	525
Jasmine thuần 70% (cont)	555	5	Nguồn cạn, hỏi mua nhiều, không có hàng bán	535	550	505	515
Nàng Hoa (6,92-6,95 mm, thuần) (cont)	575	5	Giao dịch lai rai, nguồn cạn, khó mua được	545	570	525	525

			hàng				
KDM Việt Nam (6,9mm, 100% Nàng Hoa) (cont)	530-540	0	Giao dịch lai rai, nguồn cạn	530	540	530	540
KDM thuần 100% (cont)	750	20		730	730	650	665
RVT (ST 21) (cont)	520	10		510	510	540	540
ST24 (cont)	730	20		710	710	650	660
Tấm thơm (tàu)	395	0	Khách Châu Phi hỏi mua nhiều	385	395	370	375
Tấm thơm (cont)	400	0	Khách Châu Phi hỏi mua nhiều	390	400	380	385
5. Gạo hạt tròn - hạt ngắn							
Japonica thuần (cont)	458	0	Giá tăng, nguồn cung ít	425	458	410	415
6. Gạo hạt trung							
Hàm Châu 95 (cont)	390	0		380	390	380	385

Chú thích: Giá xuất khẩu gạo 100% tấm đi Trung Quốc cao hơn các thị trường khác vì sợ rủi ro thông quan bên Trung Quốc

Giá xuất khẩu các chủng loại Jasmine và KDM chỉ mang tính tham khảo. Trên thị trường giá Jasmine được chào bán nhiều mức với độ thuần Jasmine có sự khác biệt. KDM rất ít thuần, chủ yếu phối trộn Scencoop và Nàng Hoa.

Giá gạo các chủng loại cập nhật, tuần 28/10-1/11

Chủng loại	Giá	(+/-)	Ghi chú	Tháng 10		Tháng 9	
				Min	Max	Min	Max
Gạo IR50404 HT 5% tấm	7,600-7,650	50	Nguồn cung ít, khách chê giá cao, trả giá thấp, một số kho thiếu hàng giao mới mua vào	7,200	7,850	6,900	7,000
Gạo IR50404 15% tấm	7,300	0	Giao dịch chậm, khách trả giá thấp	6,900	7,550	6,800	7,000
Gạo TP OM 6976	9,000	0	Giao dịch lai rai, nguồn ít	8,600	9,100	8,500	9,000
Gạo TP OM 5451 HT	9,600-9,700	50	Nguồn cung ít, các kho chào giá cao, khách trả giá thấp, giao dịch ít	8,900	9,800	8,700	9,400
Jasmine thuần 85%	12,200	0	Nguồn cung khan hiếm, giá cao, khách hỏi mua nhiều, không có hàng bán	11,800	12,200	11,000	11,800
Đài Thơm 8 TĐ	10,850	0	Giao dịch lai rai, nguồn cung ít, giá vững, khách hỏi mua lai rai	10,600	10,850	10,450	10,700
KDM (Nàng Hoa ĐX)	12,000	0	Giao dịch lai rai, nguồn cung cạn	11,600	12,100	11,450	11,600
KDM thuần (6 tháng)	16,500	0	Giao dịch ít	16,500	16,500	16,500	16,500
KDM thuần (4 tháng)	14,200	0	Giao dịch ít	14,000	14,200	14,500	14,800

Chú thích: Giá TP cập nhật: Bao gồm giá tại kho cộng với chi phí vận chuyển từ kho đến cảng và các hạng mục: Đóng gói, Phí khảo sát trước khi giao hàng, Phí hải quan, Chi phí khử trùng, Chi phí xử lý, Non/GMO, Phí ngân hàng, Phí chứng chỉ, Chi phí của THC + SEAL, Chi phí thanh toán, Chi phí Container (nếu có), Kiểm dịch...

Giá gạo các chủng loại tại kho/nền, tuần 28/10-1/11

Chủng loại	VND/kg	(+/-)	Ghi chú	Tháng 10		Tháng 9	
				Min	Max	Min	Max
NL IR50404 ĐX	7,300-7,400	0	Giao dịch ít, chủ yếu là gạo chợ mua bán	7,200	7,400	7,100	7,200
NL IR50404 TĐ	6,500-6,600	0	Nguồn ít, khó mua được gạo, gạo tùy chất lượng	6,350	6,700	5,900	6,150

			và mặt gạo				
NL IR50404 HT	6,300	0	Mặt gạo yếu, xấu, đen đục, xay ra từ lúa dựa lại từ vụ Hè Thu, nguồn ít, giá thấp	6,300	6,300		
NL Japonica HT	8,100-8,150	0	Nguồn cung ít, kho và thương lái hỏi mua nhiều, giá cao	8,100	8,150	6,200	6,250
TP IR50404 ĐX	8,100-8,200	0	Giao dịch ít, chào bán nhiều	8,000	8,200	8,100	8,200
TP IR50404 TĐ	7,400-7,500	0	Giao dịch chậm do giá cao, nguồn cung ít, nhà máy và thương lái liên tục đòi giá cao, kho xuất thiếu hàng mua vào, còn lại ngưng mua, đề giá	7,000	7,700	6,600	6,900
NL OM6976 HT	7,400-7,450	75	Giao dịch lai rai	6,850	7,200	6,700	7,400
TP OM6976 HT	8,500-8,600	0	Giao dịch lai rai, chủ yếu mua để mix gạo, nguồn cung ít	8,250	8,700	8,150	8,600
NL OM5451 TĐ	8,000-8,200	50	Giao dịch lai rai, nguồn cung ít, đòi giá cao	7,400	8,300	7,200	7,850
TP OM5451 TĐ	9,000-9,100	0	Giao dịch nhiều, giá cao, nguồn cung ít, kho mua chậm, đề giá	8,650	9,300	8,200	9,100
NL Đài Thơm 8 HT	8,700-8,800	100	Nhu cầu lai rai, nguồn ít	8,300	8,700	8,200	8,600
TP Đài Thơm 8 HT	10,200-10,300	0	Nhu cầu nhiều, kho thiếu hàng hỏi mua nhiều để đầu trộn gạo thơm, gạo tùy chất lượng và độ lẫn, nguồn cung ít	9,900	10,500	9,800	10,200
TP Jasmine ĐX	11,800-12,000	0	Nguồn cung ít, giá nhóng, hàng khan hiếm, hỏi mua nhiều	11,400	11,800	10,500	10,800
TP Nàng Hoa ĐX (Bạc Liêu, chiều dài >6,9li)	11,800	0	Giao dịch nhiều, nguồn cung cạn, khó mua được hàng	11,200	11,800	11,000	11,200
TP Nàng Hoa HT (Bạc Liêu, chiều dài >6,9li)	11,500	0	Giao dịch lai rai, nguồn hết	10,900	11,500	10,800	11,000
TP Japonica HT	8,900-9,000	0	Giao dịch nhiều, đóng cont đi Bắc giao cho khách nội địa, nguồn cung ít, đòi giá cao	8,400	8,800	8,100	8,300
TP ST21 ĐX	11,800-12,000		Giao dịch chậm	11,800	12,000		
TP ST21 HT	10,400-10,500	0	Giao dịch chậm	10,300	10,500	10,300	10,800
TP ST24 HT	13,700	0	Giao dịch yếu	13,500	13,600	13,500	13,600
TP Nếp Long An HT 10% tấm (sortex tại kho)	13,600-13,800	200	Giao dịch lai rai, nguồn ít, khan hiếm, tâm lý không muốn bán, đòi giá lên cao mới bán	11,600	14,000	12,300	13,700
TP Nếp An Giang HT 10% tấm (sortex tại kho)	14,700-15,200	0	Nguồn cung khan hàng, lượng còn ít, tâm lý đòi giá cao mới bán	11,200	16,000	12,500	14,200
Tấm 1,2 IR50404 TĐ	6,600-6,800	0	Giao dịch nhiều, nguồn cung ít	6,000	6,700	5,800	6,000
Cám	5,900-6,000	200	Nguồn ít	5,700	5,900	5,350	5,600

Ghi chú: Hầu hết gạo NL tại kho và gạo TP tại nền chưa sortex

Giá lúa các chủng loại, tuần 28/10-1/11

Chủng loại	VNĐ/kg	(+/-)	Ghi chú	Tháng 10		Tháng 9	
				Min	Max	Min	Max
IR50404 TĐ	4,600	150	Giá cao, thương lái mua lai rai, tuần sau có thu hoạch	4,100	4,700	3,800	4,100
OM5451 TĐ	5,300-5,350	75	Nguồn còn khá, lái mua ít, một số ngưng mua, giao dịch rất ít	4,800	5,500	4,500	4,800
Đài Thơm 8 TĐ	5,950-6,000	75	Nguồn ít, lái nhu cầu mua lai rai	5,400	6,100	5,300	5,500
Nàng Hoa TĐ	6,200	0	Giá chào, nông dân chưa cho thương lái đặt cọc	6,200	6,200		
Nếp Long An TĐ	6,800-7,000	0	Giá cao, nhu cầu nhiều	6,800	7,000		

LỊCH TÀU ĂN HÀNG CẢNG SÀI GÒN CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 31/10/2019 – CÓ 3 TÀU CHUẨN BỊ VÀO CẢNG ĂN HÀNG ĐI HÀN QUỐC

Tuần này không có thêm tàu mới vào cảng ăn hàng:

+ CẬP NHẬT: Tàu Captain John của các trader quốc tế (MOI, Mekatrade, Phoenix, VA Intertrading) vào cảng hôm 10/10 lấy 21 ngàn tấn gạo đi Châu Phi. Đến nay chúng tôi cập nhật thêm thông tin tàu vẫn đang ăn hàng tại cảng Sài Gòn và lấy tổng cộng 29,5 ngàn tấn. Tàu Nordic Skagen của Phoenix trước đây dự kiến 26/10 vào cảng lấy 30 ngàn tấn gạo thơm + gạo 5% đi Châu Phi, nhưng đến ngày 30/10 (hôm qua) tàu mới cập cảng và đang pass hầm hàng, số lượng cũng tăng lên 33 ngàn tấn gạo của Thuận Minh, Tân Đồng Tiến, VNF2, Intimex, TigiFood, Thành Tín...

Dự kiến các tàu sẽ vào cảng trong thời gian tới:

+ TÀU ĐI HÀN QUỐC: Dự kiến ngày 10/11 sắp tới có 3 tàu sẽ vào cảng, mỗi tàu lấy 22 ngàn tấn gạo lần lượt của Kigimex (khả năng NL Japonica), Quốc Tế Gia và Thuận Minh (khả năng NL OM5451) đi Hàn Quốc cung ứng lần lượt cho Jupiter Korea / MIU / ENFORCE trong khuôn khổ của các gói thầu Hàn Quốc hồi tháng 9-10 vừa qua (44K của Quốc Tế Gia và Thuận Minh giao gói thầu 11/10 còn 22K của Kigimex giao một trong hai gói thầu, và như vậy Kigimex sẽ còn giao thêm 1 tàu 22K nữa).

+ TÀU ĐI CHÂU PHI: Bản tin tuần trước chúng tôi có đề cập đến việc trong tháng 11 sẽ có 1 tàu của Phoenix trọng tải 41 ngàn tấn vào cảng lấy gạo đi Châu Phi, tên tàu được cho là Captain John. Tuy nhiên, do hiện nay tàu Captain John vẫn đang ăn hàng tại cảng cho nên nhiều khả năng tàu Captain John khó có thể theo kế hoạch này, do vậy chúng tôi sẽ để trống tên tàu này và cập nhật vào các bản tin sau.

Tàu Posvosa Windom của Phoenix trước đây dự kiến cuối tháng 11 mới vào cảng lấy 11,6 ngàn tấn gạo thơm các loại đi Châu Phi nhưng đến nay chúng tôi cập nhật lại là dự kiến 7/11 tàu sẽ vào ăn hàng.

Tàu 42 ngàn tấn của Louis Dreyfus trước đây chúng tôi đưa tin dự kiến 28/10 vào cảng, tuy nhiên theo thông tin mới nhất thì tàu này đã TRÌ HOÃN chưa vào cảng trong thời gian này. Chúng tôi sẽ cập nhật thông tin tàu này vào các bản tin tiếp theo.

Tên Tàu	Nước Nhập khẩu	Người mua	Lượng (ngàn tấn)	Chủng loại gạo	Chủ Hàng	Ngày đến cảng
Arizona	Châu Phi	Louis Dreyfus	45.5	Gạo thơm + gạo 5%	Quốc tế Gia 31,5K, Orico 6K, Kigimex 8K	08-10-19
Captain John	Châu Phi	MOI, Mekatrade, Phoenix, VA Intertrading	29.5	Gạo thơm + gạo 5%	QT Gia + Tân Thạnh An + Angimex + Hoàng Yến + Thiện Phát + Phát Tài	10-10-19
Vega Libra	Châu Phi	Platinum	12.0	Gạo thơm + gạo 5%	QT Gia	15-10-19
Việt Hải Sun	Philippines	Tư nhân Philippines	6.5	OM5451	Sài Gòn Thiên Kim	15-10-19
Hai Phuong Sky	Philippines	Tư nhân Philippines	4.5	Gạo 5%	Thành Tín 3K, Intimex 0,45K, Panoramas 1K	16-10-19
Marinagold	CuBa	Alimport Empresa	29.0	Gạo 5%	VNF 1	17-10-19
???	Châu Phi	Gedisa	10.0	Gạo thơm + gạo 5%	QT Gia, Thuận Minh, Kigimex...	20-10-19
VNS Gold	Châu Phi	Phoenix	18.0	Gạo thơm + gạo 5%	QT Gia, Thuận Minh	20-25/10/2019
Hải Hà 338	Malaysia	Bernas	3.8	Gạo 5%	VNF 2	23-10-19
Run Confidence	CuBa	Alimport Empresa	30.0	Gạo 5%	VNF 1	23-10-19
Nordic Skagen	Châu Phi	Phoenix	33.0	Gạo thơm + gạo 5% + tấm	Intimex 9.75K, Thuận Minh 6K, QT Gia 3K, LAF 3K, Thành Tín 3K...	30-10-19
Trường Lộc 16	Malaysia	Bernas	4.5	Gạo 5%	VNF 2	30-10-19
???	Senegal/Châu Phi	Louis Dreyfus	29.0	Gạo thơm + gạo 5% + tấm	Kigimex, Gia, Thuận Minh, Orico, VNF 1,...	15-20/11/19
Akson Sara	Ghana/Châu Phi	Platinum	16.2	DT8 + OM5451 + gạo 5%	Quốc Tế Gia	05-11-19
Posvosa Windom	Châu Phi	Phoenix	11.6	DT8 + gạo 5% + tấm thơm	Thuận Minh, Tân Đồng Tiến, Panoramas	07-11-19

Sam Phoenix	Hàn Quốc	Jupiter Korea International	22.0	Gạo NL Japonica	Kigimex	10-11-19
???	Hàn Quốc	MIU	22.0	Gạo NL OM5451	Quốc Tế Gia	10-11-19
???	Hàn Quốc	ENFORCE	22.0	Gạo NL OM5451	Thuận Minh	10-11-19
???	Châu Phi	Phoenix	41.0	DT8 + Tắm thơm	VNF 2 (Hiếu Nhân + Việt Long + Đại Tài cung ứng)	??-11-19
???	Châu Phi	Ameropa	30.0	Gạo 5%	Phan Minh...	15-11-19

LỊCH TÀU CẢNG MỸ THỜI – CẬP NHẬT 31/10/2019: TUẦN NÀY CÓ THÊM 1 TÀU VÀO LẤY HÀNG ĐI MALAYSIA

Tuần này, có thêm 1 tàu mới tên QUANG MINH 9 vào cảng lấy 4,1 ngàn tấn gạo 15% tằm của Vilexim và Sài Gòn Thiên Kim đi Malaysia. Ngoài ra có thêm tàu Hoàng Gia 46 mới vào cảng lấy 3 ngàn tấn gạo đi Bắc.

Tên Tàu	Nước Nhập khẩu	Số lượng (ngàn tấn)	Chủng loại gạo	Chủ Hàng	Ngày đến
VSG Ocean	Philippines	6.20	Gạo 5%	VNF 1	23-08-19
Hòa Bình	Philippines	6.00	OM5451	Lộc Trời + Panoramas	23-08-19
Trường Xuân 8	Đi Bắc	2.00	Gạo, tằm Japonica, cám	???	23-08-19
Hoàng Gia 45	Đi Bắc	2.00	Gạo, tằm Japonica, tằm thường, cám	???	23-08-19
Phi	Philippines	2.30	OM5451	Thiện Phát	23-08-19
Mekong	Philippines	4.10	OM5451	VNF 2	23-08-19
MYA	Philippines	2.00	OM5451	Thiện Phát	23-08-19
Hồng Gia 46	Đi Bắc	3.00	Gạo + cám	???	30-08-19
Hợp Phát	Đi Bắc	???	???	???	30-08-19
Giang Hải	Philippines	4.10	OM5451	Intimex	11-09-19
Hoàng Gia 56	Đi Bắc	2.50	Gạo + cám	???	13-09-19
Trường Thắng 26	Đi Bắc	2.50	Gạo	???	13-09-19
Samurai Indad II	Malaysia	3.00	OM5451 (1,5K) + Jasmine (1,5K)	???	13-09-19
Hoàng Thiên Phú 68	Đi Bắc	3.00	Gạo	???	13-09-19
Duy Phát	Đi Bắc	2.50	Gạo	???	13-09-19
Jisa	Philippines	2.30	OM5451	Thiện Phát	20-09-19
???	Philippines	2.35	OM5451	Thiện Phát	20-09-19
Hải Đạt 36	Đi Bắc	3.00	Cám gạo	???	20-09-19
Trường Thành 25	Đi Bắc	2.30	Cám gạo	???	20-09-19
JAPHIA	Philippines	2.30	Gạo 5%	Phước Thành	26-09-19
Hoàng Lộc 25	Đi Bắc	3.00	Cám	???	26-09-19

Samurai Indad 2	Malaysia	1.50	OM5451	Ngọc Quang Phát	04-10-19
Hoàng Gia 45	???	???	???	???	04-10-19
Quang Minh 18	Philippines	4.10	OM5451	Sài Gòn Thiên Kim	11-10-19
DMC Fortune	Philippines	5.00	OM5451	Phước Thành, Phước Hưng	18-10-19
Quang Minh 5	Dongtimor	4.30	Gạo 15%	Phát Tài	18-10-19
Hoàng Gia 56	Đi Bắc	3.00	Gạo, Tầm, Cám, Phế	???	18-10-19
Star 62	Đi Bắc	3.00	Tầm, Cám	???	18-10-19
Ngọc Lan 17	Đi Bắc	2.30	Tầm, Cám	???	18-10-19
MeKong	Dongtimor	4.10	Gạo 15%	Kigimex	25-10-19
Quang Minh 9	Malaysia	4.10	Gạo 15%	Vilexim+Sài Gòn Thiên Kim	31-10-19
Hoàng Gia 46	Đi Bắc	3.00	Gạo	???	31-10-19

Ngày 31/10, tàu QUANG MINH 9 vào cảng lấy 4,1 ngàn tấn gạo 15% tầm của Vilexim và Sài Gòn Thiên Kim đi Malaysia. Hình ảnh tại cảng Mỹ Thới AgroMonitor nhận được lúc 14h ngày 31/10/2019



GIAO DỊCH VỚI THƯƠNG NHÂN PHILIPPINES – Áp dụng cấp phép nghiêm ngặt về vệ sinh dịch tễ với gạo nhập khẩu

Loại gạo	Giá và Lượng giao dịch
	Bộ Nông nghiệp (DA) Philippines cho biết sẽ áp đặt các quy định nghiêm ngặt hơn đối với việc ban hành các thông quan nhập khẩu vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPSICs), nhằm quản lý dòng gạo nhập khẩu trong mùa thu hoạch, khi nông dân dễ bị tác động bởi biến động giá khi nguồn nhập khẩu chảy thêm vào thị trường
	Khách thương mại Philippines cho biết nguồn cung gạo Việt Nam đang ít, chưa có nguồn cung mới nhiều, giá đang cao. Đây chưa phải là thời điểm thích hợp để mua vào nên khách đang đợi nguồn thu hoạch mới, giá hợp lý mới mua.

GIAO DỊCH VỚI THƯƠNG NHÂN TRUNG QUỐC – QUAY TRỞ LẠI HỒI MUA OM5451, NẾP, KDM

	Giá và Lượng giao dịch
	<p>Vài nguồn thông tin cho biết lượng quota dành cho doanh nghiệp tư nhân nhập khẩu của Trung Quốc còn ít. Một số thương nhân Trung Quốc đang gia hạn thời gian cho quota những tháng cuối năm 2019 sang đến tháng 1 - tháng 2/2020 nhằm đợi chờ nguồn cung thu hoạch nếp vụ 3, thêm nguồn cung, giá giảm. Từ hôm qua đến nay, khách thương nhân Trung Quốc hỏi mua lượng ít gạo TP OM5451 Thu Đông, Nếp Long An - Nếp An Giang 10% tằm và gạo TP KDM vụ mới. Các nhà kho xuất khẩu đang chào giá cao lần lượt OM5451 445\$, Nếp Long An 650\$, KDM 750\$ FOB cont, nên khách chưa phản hồi lại, đang thương lượng giá</p>

PHÂN TÍCH GẠO ĐI BẮC – CẬP NHẬT 1/11

Các nhà kho chuyên cung ứng gạo đi nội địa cho biết lượng gạo ra Bắc trong tuần này ổn định so với tuần trước. Khách chủ yếu hỏi một số gạo NL/TP OM5451, NL OM6976 và ST21. Nhu cầu của khách Bắc – Trung hỏi mua nếp ít lại, chủ yếu hỏi thăm giá nhưng chưa chốt được nhiều giao dịch, giá nếp cao, nguồn cung ít

Tuy nhiên, nhu cầu của khách Bắc mua tằm/phế/gạo rượu vận chuyển ra Bắc để nấu bia/rượu rất nhiều. Các kho gạo chợ và gạo nội địa ở Sa Đéc – Cái Bè chủ yếu đang giao phế và gạo rượu cho khách.

Ước tính tổng lượng gạo ra Bắc trong tuần này khoảng 35 ngàn tấn. Trong đó, lượng gạo theo hàng tàu rời (tàu xá) từ Miền Tây ra Bắc ở mức khoảng 8 ngàn tấn (chủ yếu là tằm, gạo phế và gạo rượu nấu bia rượu). Lượng gạo theo hàng container ở mức 27 ngàn tấn (chủ yếu là NL/TP OM5451, TP Japonica Đông Xuân – Hè Thu 2019, NL/TP ST21, Lài 4 tháng, Lài 6 tháng)

Triển vọng: Dự kiến sang tuần tới, lượng gạo từ Miền Tây ra Bắc ổn định do nhu cầu của khách vững

GIAO DỊCH LÚA GẠO GIỮA CAMPUCHIA VÀ VIỆT NAM - cập nhật 1/11/2019**Lúa Campuchia chảy về Việt Nam**

Theo thông tin từ các doanh nghiệp kinh doanh lúa tại khu vực biên giới với Campuchia và thương lái chuyên đi lấy lúa Campuchia cho biết lượng lúa từ Campuchia về Việt Nam chủ yếu là lúa thơm các loại. Nguồn lúa IR50404 từ Campuchia về rất ít, cạn nguồn.

Lượng lúa KDM (Lài 6 tháng) từ Campuchia về Việt Nam lai rai. Lượng có ít, mới đầu vụ, chưa có nhiều. Nhu cầu hỏi mua của các thương lái và nhà kho xuất khẩu nhiều, nhà kho gạo chợ nhiều. Chất lượng lúa kém hơn so với năm ngoái, mặt lúa xanh và tỷ lệ thu hồi thấp hơn. Lúa có chất lượng xấu ở mức giá 6,700-6,800 đ/kg, tại bãi. Lúa có chất lượng đẹp ở mức giá 7,100-7,200 đ/kg. Trong khi đó, nguồn cung lúa Sóc bắt đầu về lai rai, các nhà kho gạo chợ mua vào giá NL Sóc với mức giá 7,000-7,100 đ/kg để đi hàng gạo chợ phục vụ tiêu dùng cuối

năm. Bên cạnh đó, còn có nguồn cung Xencoop (Lài 4 tháng) về, lúa xanh non, giá lúa dao động 6,200-6,300 đ/kg

Triển vọng: Dự kiến đến khoảng giữa tháng 11/2019 sẽ có thêm lượng lúa IR50404 mới từ Campuchia về Việt Nam. Nguồn cung nhiều hơn. Đặc biệt, các tháng cuối năm lượng lúa KDM, lúa Sóc, Xencoop (ST5) sẽ về nhiều hơn, giá giảm. Nhu cầu thu mua của các nhà kho và thương lái nhiều hơn

THU HOẠCH LÚA THU ĐÔNG 2019 (cập nhật tuần 28/10-1/11/2019)

Đáng chú ý	Tuần này thời tiết NẮNG ĐẸP , giá lúa các loại biến động TĂNG không nhiều, lượng giao dịch rất ít, các thương lái nhu cầu ít do đầu ra không tốt, một số khác ngưng mua.
IR50404	+ Các tỉnh sắp thu hoạch: An Giang (Thoại Sơn – Châu Phú) tuần sau bắt đầu thu hoạch + Diễn biến giá + giao dịch: Giá đặt cọc lúa tươi IR50404 tuần này NHÍCH NHẸ lên ở mức 4,600 lúa đẹp tại ruộng vào cuối tuần (so với 4,400-4,500 cuối tuần trước), số ít lúa xấu giá 4,550 ít người mua. Thương lái đặt cọc ít, xu hướng chờ sang tháng 11 nguồn cung về hình thành mặt bằng giá giao dịch mới sẽ mua vào sau.
OM5451	+ Các tỉnh đang thu hoạch: Đồng Tháp (Tân Hồng, Hồng Ngự), Kiên Giang (Giồng Riềng, Hòn Đất), Hậu Giang (Long Mỹ). + Diễn biến giá + giao dịch: Giá lúa tươi tuần này TĂNG NHẸ lên ở mức mức 5,300-5,350 tại ruộng (tuần trước 5,200-5,300), giao dịch ít, nhiều thương lái ngưng mua đợi nguồn cung mới từ An Giang (chờ giá giảm và chất lượng dự kiến tốt hơn lúa hiện nay).
Đài Thơm 8	+ Các tỉnh đang thu hoạch: Đồng Tháp (Hồng Ngự, Tân Hồng), Kiên Giang (Giồng Riềng, Kiên Lương). An Giang 2 tuần nữa thu hoạch. + Diễn biến giá + giao dịch: Giá lúa tươi tuần này tăng nhẹ lên mức 5,950-6,000 vào cuối tuần (tuần trước 5,900). Nguồn cung ít, giá cao, các thương lái ít mua do xay ra bán gạo không có lời.
Nếp Long An	+ Các tỉnh đang thu hoạch: Đồng Tháp (Tân Hồng) + Diễn biến giá + giao dịch: Giá lúa tươi đầu vụ Thu Đông ở mức cao 6,800 tại ruộng, một số khác chào giá 7,000 (so với giá cuối vụ Hè Thu là 6,500). Nguồn cung không đáng kể, thương lái nhu cầu mua nhiều do giá nếp đang cao, nhu cầu khá mà tồn kho đã gần cạn.
Nàng Hoa	+ Các tỉnh sắp thu hoạch: An Giang (Thoại Sơn) + Diễn biến giá + giao dịch: Giá chào lúa tươi lượng ít ở mức 6,200 đồng/kg, tại ruộng, dự kiến tuần tới nông dân mới bắt đầu cho thương lái đặt cọc.

Lúa IR50404 tại khu vực Thoại Sơn – An Giang còn khoảng 8 ngày nữa (7/11) sẽ bắt đầu cắt. Thương lái cho biết chủ ruộng chào giá cao ở mức 4,600 đồng/kg, tuy nhiên vẫn mua được lượng ít giá 4,550 đồng/kg, tại ruộng, giá 4,600 nếu gặp phải thời tiết mưa thì xay ra gạo sẽ không có lời. Hình ảnh AgroMonitor nhận được lúc 6h45 sáng 30/10/2019



DIỄN BIẾN NỔI BẬT THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ QUỐC TẾ

Tỷ giá đồng tiền các quốc gia theo USD tuần 14/10-18/10, tuần 21/10-25/10, tuần 28/10-1/11

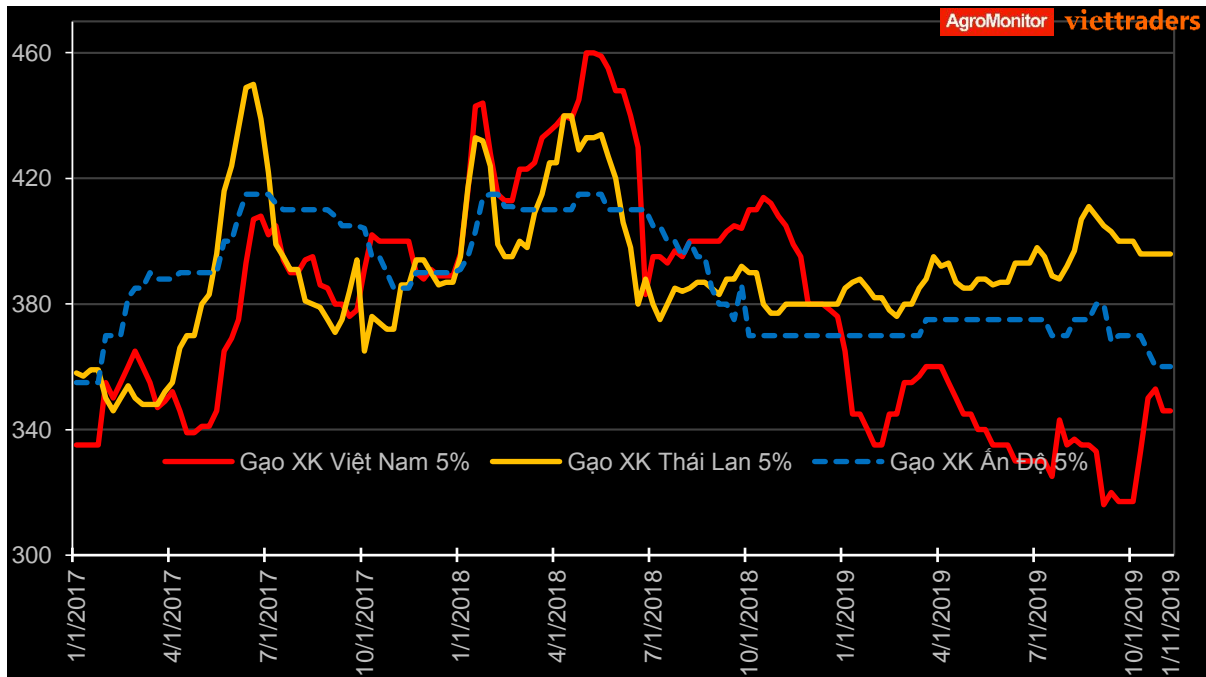
Quốc gia	Tuần 14/10-18/10	Tuần 21/10-25/10	Tuần 28/10-1/11
EUR (Euroland Euro)	0.88	0.91	0.90
CNY (Chinese yuan renminbi)	6.77	7.12	7.06
VND (Vietnamese dong)	23174	23182	23220
INR (Indian rupee)	71.06	71.04	70.93
THB (Thai baht)	31.75	30.41	30.24
PHP (Philippines peso)	52.52	51.65	50.96

Tuần này, giá gạo 5% Thái Lan ỔN ĐỊNH ở mức 396 USD/tấn FOB hàng tàu (không đổi so với cuối tuần trước).
Giá chào Hommali Thái vụ mới 2018/19 không đổi ở mức 1150USD/tấn. Giá chào gạo 5% của Pakistan tăng nhẹ lên mức 365(+2) trong khi gạo 5% Ấn Độ ổn định ở mức 360USD/tấn, FOB hàng tàu.

Giá gạo xuất khẩu các nước tuần 14/10-18/10, tuần 21/10-25/10, tuần 28/10-1/11, FOB hàng tàu

Quốc gia/Chủng loại/thời điểm	Tuần 14/10-18/10	Tuần 21/10-25/10	Tuần 28/10-1/11
THÁI LAN			
100% B	406	406	406
5%	396	396	396
25%	388	388	388
A1 Super brkns	379	379	379
TFBR A1S	485	485	479
Pbld 100%stxd	400	400	400
Pbld 5%	395	395	395
Pathum	630	630	630
Hommali 92% purity (18/19 crop)	1150	1150	1150
ẤN ĐỘ			
Long grain stxd silky plshd white rice max 5%	360	360	360
Long Grain max 25% old crop sortexed	330	330	330
IR36 Long Grain Pbld max 5%, 100pct stxd	363	363	363
MYANMAR			
Emata 5% (per Myanmar standards) dp/stxd	355	355	355
Emata 5% (per Myanmar standards) dp/stxd	350	350	350
Emata 25% (as per Myanmar standards)	283	283	283
B1 and 2 sortexed brokens	268	268	268
B1 and 2 non sortexed brokens	260	260	260
B2, 3 and 4 non sortexed brokens	250	250	250
Parboiled brown	383	383	383
PAKISTAN			
5 pct white rice dp silky polished	363	363	365
25 pct white rice single polished	338	338	340
25 pct white rice double polished	351	351	353
Broken rice double polished sortexed	318	318	318

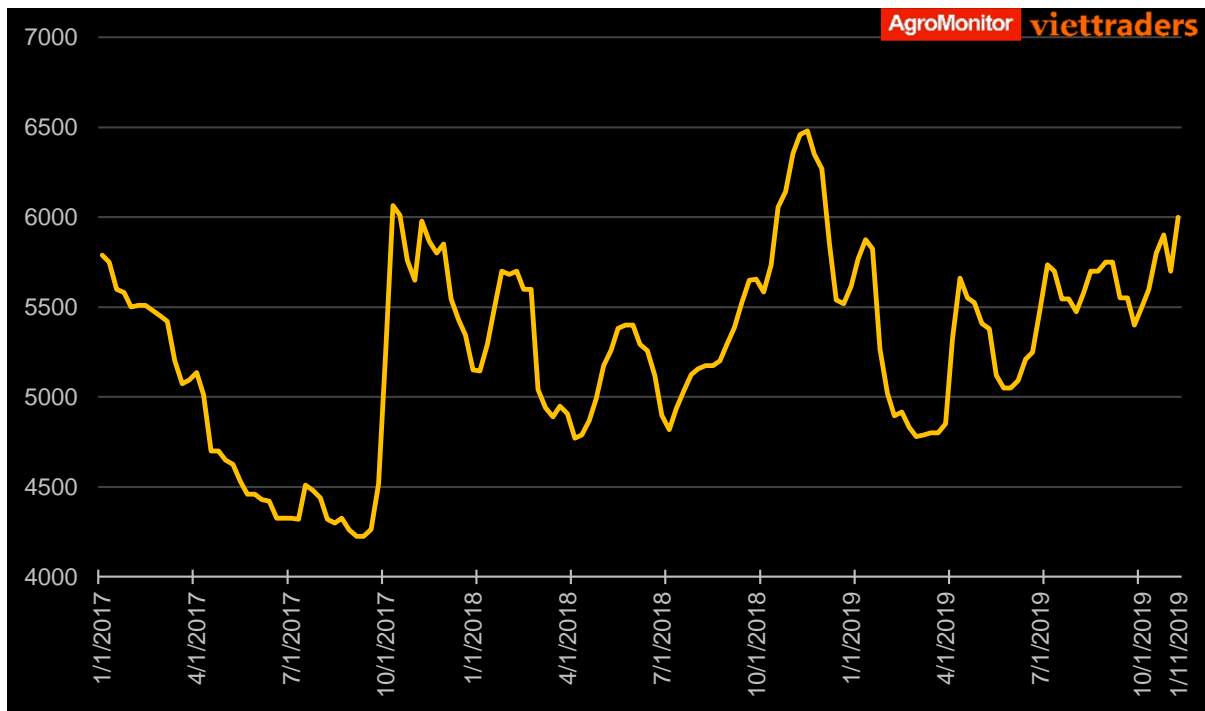
Giá chào xuất khẩu gạo các nước theo tuần, cập nhật đến tuần 28/10-1/11 (USD/tấn, FOB, hàng tàu)



PHỤ PHẨM

	Tuần 14/10-18/10	Tuần 21/10-25/10	Tuần 28/10-1/11
SA ĐÉC			
Cám (>6% xơ)	5,850-5,950	5,700-5,800	6,000
LẤP VỎ			
Cám (>6% xơ)	5,850-5,900	5,700	5,900-6,000
CẦN THƠ			
Cám (<5% xơ)	5,800-5,580	5,700-5,750	5,850-5,900
KIẾN GIANG			
Cám (<6% xơ)	5,750	5,700	5,700
LONG AN			
Cám (>6% xơ)	5,850	5,700	5,900-6,000
AN GIANG			
Cám	5,850-5,900	5,700	6,000

Giá cám theo tuần, 2018-2019, cập nhật đến tuần 28/10-1/11, đồng/kg



* Bản quyền thông tin thuộc về Công ty CP Phân tích và dự báo thị trường Việt Nam (AgroMonitor). Việc công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng các thông tin của Bản tin là không được phép nếu không có sự đồng ý của AgroMonitor. Ghi rõ nguồn AgroMonitor khi trích dẫn lại thông tin trong ấn phẩm này. Các thông tin, số liệu được cung cấp đều đã công bố công khai và được AgroMonitor bảo đảm có giá trị tính tới thời điểm phát hành. Những nhận định, dự báo trong ấn phẩm do các chuyên gia của AgroMonitor đưa ra mang tính tham khảo, phục vụ quá trình phân tích, ra quyết định của các doanh nghiệp, nhà quản lý và các tổ chức nhận được ấn phẩm từ AgroMonitor. AgroMonitor sẽ không chịu trách nhiệm về việc khách hàng sử dụng những số liệu và dự báo công bố trong ấn phẩm.